

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78/2020/DS-PT**

Ngày: 16/6/2020

V/v: “Tr/c về di dời tài sản trên đất
và y/c bồi thường thiệt hại về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Vĩnh Yên.**

Các Thẩm phán: Bà **Đỗ Thị Nhung**

Ông Vũ Hồng Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Ngọc Tú** – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà **Vũ Thị Hồng Uyên** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số : 40/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 1 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu di dời tài sản trên đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông **Trần Ngọc S**, sinh năm 1973;

+ Bà **Vũ Thị V**, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Số nhà Số X1 Đường Y1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S, bà V: Bà **Mai Thị Kim S**; Địa chỉ: Số X2 Đường Y2, phường T2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 03/5/2019).

- Bị đơn: Tập đoàn C.

Địa chỉ trụ sở chính: Số X3 Đường Y3, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Đỗ Xuân H** – Chức vụ: Phó Giám đốc Tập đoàn C Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 27/9/2018)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Thanh Phú, huyện V, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

+ Ông Đoàn Thanh C, sinh năm 1967 .

+ Bà Đinh Thị Bích T2, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Số X4 Đường Y4, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Trần Văn K, sinh năm 1978.

+ Bà Nguyễn Thị Biên T3, sinh năm 1978.

Cùng nơi địa chỉ: Số X5 Đường Y5, phường T3, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông S, bà V, bà S, ông H, ông K, bà T3 có mặt; Bà T1, ông C, bà T2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung; bản khai; biên bản hòa giải tại Tòa án và trong quá trình xét xử nguyên đơn trình bày:

Năm 2016, ông Trần Ngọc S và bà Vũ Thị V nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 524 tờ bản đồ số B xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, hợp đồng chuyển nhượng được công chứng theo quy định. Sau đó, ông S, bà V đã tiến hành thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD XXX ngày 26/02/2016. Khi nhận chuyển nhượng, ông S và bà V kiểm tra đất thực tế đã có tài sản của Tập đoàn Công nghiệp – Viễn Thông Quân đội đặt trên phần đất của phần đất của gia đình ông bà bao gồm cột anten, trạm BTS, dây co, máy phát điện. Nguyên đơn đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu Tập đoàn Công nghiệp – Viễn Thông Quân đội phải di dời trạm để trả lại phần đất nhưng không có trả lời. Tháng 10/2017, ông S và bà V gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện V nhưng không thỏa T1ận được. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tập đoàn Công nghiệp – Viễn Thông Quân đội phải di dời trạm T1, phát sóng di động BTS trên phần diện tích đất thuộc một phần thửa 524 tờ bản đồ số B xã T, yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn số tiền là 180.000.000 đồng tương đương với 45 tháng x 4.000.000 đồng/tháng thiệt hại do không được sử dụng đất để xây nhà trọ và căn cứ vào giá thuê đất trung bình trên thị trường tại xã T, huyện V.

Theo các bản tự khai và trong quá trình xét xử người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đỗ Xuân H trình bày:

Năm 2014, do nhu cầu của Tập đoàn, Tập đoàn C Đồng Nai đã tiến hành khảo sát và có nhu cầu xây dựng 01 trạm T1 phát sóng di động (gọi tắt là BTS) tại khu vực xã T, huyện V. Tập đoàn C Đồng Nai đã liên hệ với ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Biên T3 là những người có đất để lắp đặt trụ BTS. Ông K, bà T3 là những người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đoàn Thanh C nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông C cam kết đất không tranh chấp và xác nhận đã chuyển nhượng cho ông K, bà T3 nên vào ngày 01/3/2014 Tập đoàn C Đồng

Nai đã ký hợp đồng thuê mặt bằng, ngày 01/7/2014 nhận bàn giao mặt bằng và triển khai xây dựng trạm BTS. Vị trí trạm BTS nêu trên đã đi vào hoạt động từ tháng 9/2014 cho đến nay. Việc đặt trạm BTS được thực hiện theo đúng quy định, được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đồng ý cho phép lắp đặt.

Qua quá trình giải quyết tại Tòa án, xác định vị trí đặt trạm BTS của tập đoàn tại xã T, huyện V nằm trong phần đất thuộc thửa đất số 524 tờ bản đồ số B xã T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Ngọc S và bà Vũ Thị V. Ông S, bà V nhận chuyển nhượng từ bà T1 từ năm 2016 và Ủy ban nhân dân huyện V đã trả lời việc cấp giấy cho bà T1 là đúng quy định. Đồng thời, Tập đoàn cũng có chủ trương không lắp đặt trạm BTS tại vị trí xã T nữa nên phía bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu di dời trạm của phía nguyên đơn.

Đối với yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tập đoàn phải bồi thường số tiền 180.000.000 đồng phía bị đơn không đồng ý, bởi vì: yêu cầu bồi thường phải dựa vào chứng cứ mà các bên cung cấp; theo Trích đo hiện trạng bản đồ địa chính thửa 524 tờ bản đồ số B xã T, huyện V chỉ có một phần trạm BTS đặt trên phần đất của nguyên đơn, phần còn lại đặt trên phần đất của người khác. Do đó, Tập đoàn chỉ đồng ý bồi thường cho phía nguyên đơn số tiền thuê là 65.745.000 đồng tương đương với 45 tháng x 1.461.520 đồng/tháng đề nghị Tòa án xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn K trình bày:

Năm 2014, ông nhận chuyển nhượng diện tích đất 500m² của ông Đoàn Thanh C, tại thời điểm nhận chuyển nhượng ông C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng sử dụng ổn định không có ai tranh chấp. Su khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông cho Tập đoàn Tập đoàn C thuê đất để đặt trạm BTS, tại thời điểm xây dựng trạm không có ai tranh chấp. Đến năm 2017, ông S, bà V khiếu nại tại Ủy ban nhân dân xã T nhưng việc hòa giải không thành. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị T1 trình bày:

Vào ngày 12/3/2014, bà có chuyển nhượng cho em ruột là ông Đoàn Thanh C diện tích 270m² một phần thửa 524 tờ bản đồ 39 để ông C bán cho ông Trần Văn K, ông K mua mục đích là để xây trụ điện viễn thông với số tiền 90.000.000 đồng, ông K trực tiếp đưa tiền cho bà hai lần. Lúc đó, bà bán cho ông C chỉ làm giấy tay vì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà và ông C thỏa T1ận mỗi bên lấy 45.000.000 đồng. Đến tháng 01/2015, ông C đến nhà yêu cầu bà phải trả lại toàn bộ số tiền chuyển nhượng đã nhận và bà đã thông báo cho ông K biết việc trả lại tiền. Diện tích đất mà bà chuyển nhượng cho ông C để ông C chuyển nhượng lại cho ông K là phần đất mà ông K cho xây trụ viễn thông hiện nay.

Su khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ việc phân chia tài sản. Vào tháng 01/2016, bà chuyển nhượng cho ông S, bà V theo đúng quy định.

Việc bà bán đất cho ông Trần Ngọc S, bà Vũ Thị V là hợp pháp khi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc S, bà Vũ Thị V. Bà không còn liên quan gì đến thửa đất A tờ bản đồ số B xã T. Còn việc mua bán của ông K với ông C như thế nào thì ông tự giải quyết, bà không liên quan. Bà T1 không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Thanh C trình bày:

Năm 2013, ông có bán cho ông K, bà T3 phần diện tích đất 500m², nguồn gốc đất là do cha mẹ để lại, gia đình ông sử dụng ổn định không có tranh chấp nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Su khi bán, ông K đã cho Tập đoàn Tập đoàn C xây dựng tạm phát sóng vào năm 2014, lúc xây bà T1 cũng không có ý kiến gì vì phần đất của bà T1 đã xây phòng trọ cho thuê. Su này, bà T1 làm giấy tờ rồi chuyển nhượng lại cho ông S, bà V như thế nào ông không biết. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không có ý kiến và không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Biên T3, bà Đinh Thị Bích T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, Thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ nhưng vắng mặt không có lý do, không giao nộp chứng cứ nên không có lời khai tại Tòa án.

*Tại bản án sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai đã tuyên.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc S và bà Vũ Thị V về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” với bị đơn Tập đoàn C.

- Buộc Tập đoàn C phải di dời một phần trạm phát sóng di động (BTS) gồm: 01 phòng máy phát điện, 01 phần của trụ anten 02 móng dây co, trụ bê tông, 03 trụ điện hạ thế cao 6,5m trên phần đất 263,4m² thuộc thửa đất số 524 tờ bản đồ số B xã T, huyện V theo Trích lục và đo hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 0793/2019 ngày 18/4/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh V.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc S, bà Vũ Thị V về “Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”.

- Buộc Tập đoàn C phải bồi thường cho ông Trần Ngọc S, bà Vũ Thị V số tiền 65.745.000 đồng (sáu mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự, nghĩa vụ chậm thi hành án và trường hợp bản án được thi hành.

* Ngày 03/12/2019 ông S- bà V nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện V và đơn bổ sung kháng cáo, đính chính kháng cáo ngày 29/3/2020, ngày 30/3/2020 yêu cầu tòa phúc thẩm xét xử lại vụ án; Lý do kháng cáo cấp sơ thẩm xét xử không thấu tình đạt lý làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà và yêu cầu Tòa tuyên buộc bị đơn phải bồi thường số tiền 204.079.590đ.

***Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:**

Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về quan hệ pháp luật cấp sơ thẩm xác định “Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại” là không chính xác mà quan hệ pháp luật cần xác định đúng là “Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu di dời tài sản trên đất”. Về nội dung: Cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 65.745.000 đồng và di dời một phần trạm phát sóng di động (BTS) cùng các trụ bê tông là có căn cứ pháp luật. Đối với nội dung đơn bổ sung kháng cáo và đình chính đơn kháng cáo ngày 29/3/2020 và ngày 30/3/2020 về việc yêu cầu bồi thường số tiền 204.079.590 đồng là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không có cơ sở xem xét giải quyết. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Ngọc S, bà Vũ Thị V; Sửa một phần bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Ngọc S, bà Vũ Thị V làm trong thời hạn luật định, đúng quy định của pháp luật nên được đưa ra để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Đoàn Thanh C, bà Đinh Thị Bích T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và không có yêu cầu độc lập trong vụ án, căn cứ vào Khoản 2, 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật: Cấp sơ thẩm xác định “Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại” là không chính xác mà quan hệ pháp luật cần xác định đúng là “Tranh chấp về di dời tài sản trên đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” nên sửa lại cho đúng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Về kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu Tập đoàn Công nghiệp – Viễn Thông Quân đội phải bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 204.079.590 đồng:

Theo hồ sơ cũng như tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận, Tập đoàn Công nghiệp – Viễn Thông Quân đội xây dựng trạm phát sóng di động từ năm 2014, nguyên đơn nhận chuyển nhượng đất của bà T1 vào năm 2016. Tại thời điểm Tập đoàn Công nghiệp – Viễn Thông Quân đội xây trạm bà T1 không có ý kiến gì vì cho rằng đây là đất của ông C. Su khi nhận chuyển nhượng, ông S bà V cũng không có ý kiến phản đối việc đặt trạm mà chỉ T1 tiền nhà trọ hàng tháng. Do đó, có thể khẳng

định Tập đoàn không có hành vi xâm phạm về tài sản (hành vi lấn, chiếm đất) của nguyên đơn để làm căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại thực tế xảy ra là những thiệt hại về tài sản gì, thiệt hại về tài sản bị mất hoặc bị giảm sút theo quy định tại Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn căn cứ vào T1 nhập bị mất nếu xây phòng trọ trên đất để kinh doanh là không phù hợp, không phải là T1 nhập thực tế bị mất. Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện ngoài diện tích đất 263,4m² đặt trạm, phần diện tích đất còn lại của thửa 524 là đất trống, gia đình ông S, bà V không canh tác. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, bị đơn cung cấp hợp đồng thuê đất với ông K, bà T3 và hàng tháng trả số tiền 3.000.000 đồng cho toàn bộ trạm BTS từ năm 2014 đến năm 2019 nên số tiền thuê đất này phải được trả cho chủ sở hữu hợp pháp là ông S và V từ thời điểm ông bà được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là phù hợp. Bị đơn yêu cầu Tòa án căn cứ vào phần diện tích đất đặt trạm và thời gian từ khi ông S, bà V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm căn cứ bồi thường là có cơ sở được chấp nhận, cụ thể:

Số tiền thuê hàng tháng là 3.000.000 đồng cho tổng diện tích là 540m², phần diện tích đặt trạm trên thửa 524 tờ bản đồ số B là 263,4m² tương ứng với số tiền 1.461.000 đồng/tháng x 45 tháng = 65.745.000 đồng. Tập đoàn Tập đoàn C phải trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên là đúng quy định của pháp luật

Như vậy cấp sơ thẩm đã tính toán buộc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội phải trả cho nguyên đơn số tiền 65.745.000 đồng là đúng quy định của pháp luật, Do đó kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu Tập đoàn Công nghiệp – Viễn Thông Quân đội phải bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 204.079.590 đồng là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và không đúng quy định của pháp luật do đó kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội (gọi tắt là Tập đoàn Tập đoàn C) phải di dời một phần trạm T1, phát sóng di động (gọi tắt là trạm BTS) trên phần đất thuộc thửa 524 tờ bản đồ số B xã T của nguyên đơn: Cấp sơ thẩm đã xét xử buộc Tập đoàn Công nghiệp – Viễn Thông Quân đội phải có trách nhiệm di dời 01 phòng máy phát điện, 01 phần của trụ anten 02 móng dây co, trụ bê tông, 03 trụ điện hạ thế cao 6,5m trên phần đất 263,4m² thuộc thửa đất số 524 tờ bản đồ số B xã T, huyện V, theo Trích lục và đo hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 0793/2019 ngày 18/4/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh V. **Cấp sơ thẩm đã xét xử như trên là đúng quy định của pháp luật, các đương sự đã đồng ý không có kháng cáo kháng nghị nên giữ nguyên quyết định về yêu cầu di dời một phần trạm phát sóng.**

[5] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn K, bà Trần Thị Bích T3, ông Đoàn Thanh C, bà Đinh Thị Bích T2 không có yêu cầu độc lập nên không xem xét trong vụ án này nhưng có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Cần xác định lại quan hệ pháp luật, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông S, bà V; Sửa một phần bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật. Ý kiến của Viện kiểm sát là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu số tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá là 3.000.000 đồng (đã nộp xong) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ **Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;**

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Trần Ngọc S-bà Vũ Thị V. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai về quan hệ pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc S và bà Vũ Thị V về việc “Tranh chấp yêu cầu di dời tài sản trên đất” với bị đơn Tập đoàn C.

Buộc Tập đoàn C phải di dời một phần trạm phát sóng di động (BTS) gồm: 01 phòng máy phát điện, 01 phần của trụ anten 02 móng dây co, trụ bê tông, 03 trụ điện hạ thế cao 6,5m trên phần đất 263,4m² thuộc thửa đất số 524 tờ bản đồ số B xã T, huyện V theo Trích lục và đo hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 0793/2019 ngày 18/4/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh V.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc S, bà Vũ Thị V về “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Buộc Tập đoàn C phải bồi thường cho ông Trần Ngọc S, bà Vũ Thị V số tiền 65.745.000 đồng (sáu mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

3. Về án phí:

Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội phải chịu 300.000 đồng án phí về việc tranh chấp di dời tài sản và số tiền án phí về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản là 3.287.250 đồng; tổng số tiền án phí bị đơn phải chịu là 3.587.250 đồng (ba triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Ông Trần Ngọc S, bà Vũ Thị V phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 5.712.750 đồng (năm triệu bảy trăm mười hai ngàn bảy trăm năm mươi đồng); Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) theo Biên lai T1 tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004766 ngày 10/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Ông Trần Ngọc S và bà Vũ Thị V còn phải nộp số tiền 3.012.750 đồng (ba triệu không trăm mười hai ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Ngọc S và bà Vũ Thị V mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng ông S, bà V được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mỗi người là 300.000 đồng theo biên lai T1 tạm ứng án phí số 0002306 và 0002307 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, ông S, bà V đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Vĩnh Yên

